

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2021/HNGĐ-ST

Ngày 07 tháng 9 năm 2021

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Doanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Diệu

2. Ông Vũ Văn Sâm

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gien Ny - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.*

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.*

Ngày 07 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2021/QĐXX-ST ngày 02/8/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị Thu T, sinh năm 1993

Đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn M, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: thôn H, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thiện T1, sinh năm 1983

Nơi cư trú: thôn M, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(chị T có mặt, anh T1 vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn là Chị Trịnh Thị T có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại phiên tòa như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị T kết hôn với anh Nguyễn Thiện T1 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái

Bình vào ngày 09/10/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại xã Q và lao động tự do. Quá trình chung sống đến tháng 01/2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp bất đồng quan điểm sống, chị T đã về nhà bố mẹ đẻ tại thôn H, xã A sinh sống, vợ chồng ly thân từ tháng 3/2021 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị T trình bày, vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thiện Đức A, sinh ngày 12/3/2019, hiện con chung đang ở cùng chị. Ly hôn chị T đề nghị, chị nhận nuôi con Nguyễn Thiện Đức A và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị T làm nhân viên tại quầy thuốc Tân dược thu nhập 6.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Nguyễn Thiện T1 vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.*

- *Tại biên bản xác minh với ông Nguyễn Thiện Th (bố đẻ anh T1), địa chỉ: thôn M, xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình thể hiện:*

Chị Trịnh Thị T và anh Nguyễn Thiện T1 là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào năm 2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T, anh T1 sống cùng gia đình ông Th ở thôn M, xã Q, huyện Q. Quá trình chung sống vợ chồng chị T, anh T1 có mâu thuẫn. Tháng 3/2021 chị T đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay. Nay chị T xin ly hôn, gia đình ông đề nghị Tòa án xem xét hòa giải để chị T, anh T1 đoàn tụ.

Về con chung: Ông Nguyễn Thiện Th xác nhận vợ chồng chị T, anh T1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Thiện Đức A, sinh năm 2019 đúng như chị T trình bày. Gia đình đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị T, anh T1 không có tài sản chung.

- *Tại biên bản xác minh với Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình thể hiện:*

Chị Trịnh Thị T và anh Nguyễn Thiện T1 là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q vào ngày 09/10/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống cùng gia đình anh T1. Quá trình chung sống vợ chồng chị T, anh T1 có mâu thuẫn. Tháng 3/2021 chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã A sinh sống cho đến nay. Nay chị T có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng chị T, anh T1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Thiện Đức A, sinh ngày 12/3/2019, ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Về tài sản chung: Cơ sở thôn không nắm rõ.

- *Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia tố tụng là thể hiện chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa Chị Trịnh Thị T và anh Nguyễn Thiện T1 là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ thường trú tại xã Q, huyện Q nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn hiện có mặt tại địa phương xã Q đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa... cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi dưỡng con chung và địa chỉ của bị đơn, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị T, anh T1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 09/10/2018 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn và chung sống được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2021 đến nay, không hỏi han, chia sẻ với nhau. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, mặc dù biết được việc chị T đề nghị ly hôn nhưng anh T1 không trực tiếp đến trình bày quan điểm với Tòa án. Điều này chứng tỏ anh T1 không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Như vậy có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T, anh T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị được ly hôn anh T1 là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Trịnh Thị T và anh Nguyễn Thiện T1 có 01 con chung là Nguyễn Thiện Đức A, sinh ngày 12/3/2019, hiện con chung đang ở cùng chị T. Ly hôn, chị T đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, nguyện vọng nuôi con chung của chị T là chính đáng, chị T có công việc, thu nhập ổn định, cháu A dưới 36 tháng tuổi. Kể từ khi vợ chồng ly thân, một mình chị T nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, con An khỏe mạnh. Do đó, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất của con chung, Hội đồng xét xử cần giao con chung Nguyễn Thiện Đức A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh T1 phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Anh T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trịnh Thị T không yêu cầu giải quyết, anh Nguyễn Thiện T1 không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Trịnh Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Chị Trịnh Thị T được ly hôn anh Nguyễn Thiện T1.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao Chị Trịnh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thiện Đức A, sinh ngày 12/3/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật. Chị T không yêu cầu anh T1 phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, anh T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trịnh Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo

Biên lai thu số 0001881 ngày 15/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình được chuyển thành tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trịnh Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Thiện T1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- UBND xã Q, huyện Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Quốc Doanh

